

# Tài liệu hướng dẫn sử dụng Fast Accounting Online

## Phân hệ quản lý hệ thống

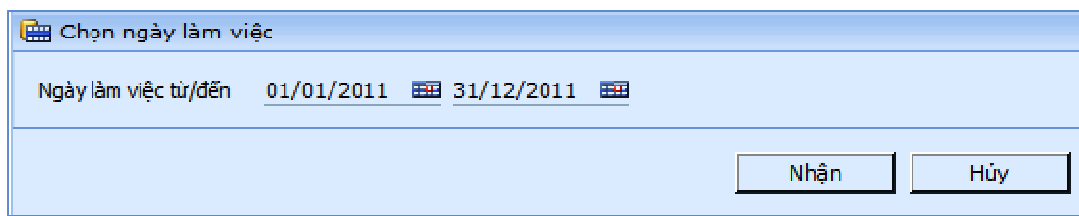
### Mục lục

<b>1</b>	<b>Các thiết lập hệ thống .....</b>	<b>2</b>
1.1	Chọn ngày làm việc .....	2
1.2	Danh mục tỷ giá quy đổi ngoại tệ.....	2
1.3	Khai báo ngày bắt đầu năm tài chính .....	2
1.4	Khai báo ngày bắt đầu nhập liệu.....	3
1.5	Khai báo các màn hình nhập chứng từ.....	4
1.6	Khai báo sử dụng quyền chứng từ.....	6
1.7	Cập nhật lại số chứng từ .....	7
1.8	Khai báo các tham số tùy chọn .....	9
<b>2</b>	<b>Tiện ích .....</b>	<b>18</b>
2.1	Thông tin báo cáo.....	18
2.2	Quản lý chức năng.....	19
<b>3</b>	<b>Quản trị người sử dụng .....</b>	<b>19</b>
3.1	Khai báo người sử dụng .....	19
3.2	Phân quyền truy nhập .....	22
3.3	Phân quyền truy nhập theo đơn vị cơ sở.....	23
3.4	Giới hạn địa chỉ truy cập .....	24
3.5	Giới hạn địa chỉ truy cập theo người dùng .....	24
<b>4</b>	<b>Bảo trì dữ liệu.....</b>	<b>25</b>
4.1	Khóa số liệu theo chứng từ .....	25
4.2	Khóa số liệu.....	25
<b>5</b>	<b>Danh mục.....</b>	<b>26</b>
5.1	Danh mục quyền chứng từ .....	26
5.2	Danh mục tiền tệ .....	28
5.3	Danh mục bộ phận.....	30

## 1 Các thiết lập hệ thống

### 1.1 Chọn ngày làm việc

Màn hình khai báo chọn ngày làm việc để hạn chế sai sót ngày, tháng, năm khi nhập liệu, sẽ không cho nhập liệu khi ngày, tháng, năm không có trong khoảng khai báo này.



### 1.2 Danh mục tỷ giá quy đổi ngoại tệ

Chức năng dùng để cập nhật và lưu giữ tỷ giá giao dịch thực tế của tất cả các loại ngoại tệ theo thời gian.



Khi nhập các phát sinh ngoại tệ chương trình sẽ lấy tỷ giá quy đổi ngầm định là tỷ giá trong bảng có ngày gần nhất trước đó so với ngày phát sinh của chứng từ.

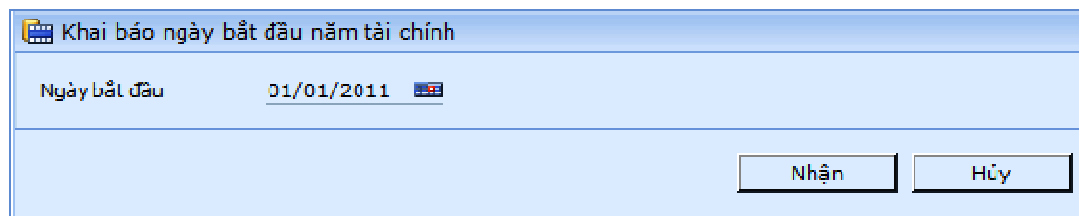
*Ví dụ*

*Mã ngoại tệ USD, ngày 01/01/2011 có tỷ giá là 19.500; Ngày 01/10/2011 có tỷ giá là 21.500.*

*Lập phiếu thu mã ngoại tệ USD ngày 01/02/2011 trường tỷ giá ngầm định là 19.500. Lập Phiếu thu mã ngoại tệ USD ngày 15/10/2011 trường tỷ giá ngầm định là 21.500.*

### 1.3 Khai báo ngày bắt đầu năm tài chính

Màn hình khai báo ngày bắt đầu của năm tài chính theo chế độ kế toán áp dụng trong doanh nghiệp.



Thông thường, ngày bắt đầu của năm tài chính là ngày 01 tháng 01 theo quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Tuy nhiên với các doanh nghiệp nước ngoài,

có thể ngày bắt đầu của năm tài chính sẽ khác, lúc đó các kỳ phân tích trong các báo cáo tài chính sẽ được tính kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính. Một số báo cáo theo kỳ sẽ bị ảnh hưởng là:

- Bảng cân đối phát sinh tài khoản;
- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trực tiếp;
- Sổ Công cụ dụng cụ;
- Bảng tổng hợp trích phân bổ chi phí công cụ dụng cụ;
- Báo cáo quản lý bán hàng phân tích theo thời gian 1;
- Tổng hợp số phát sinh lũy kể theo vụ việc;
- Báo cáo kết quả kinh doanh theo vụ việc công trình;
- Nguồn vốn đầu tư;
- Chi tiết nguồn vốn đầu tư;
- Thực hiện đầu tư theo dự án, công trình, hạng mục công trình;
- Quyết toán đầu tư theo dự án, công trình, hạng mục công trình;
- Thực hiện đầu tư;
- ...

*Ví dụ đơn giản:*

*Ngày đầu năm tài chính là ngày 01/04, Ngày đầu tiên nhập liệu ngày 01/01/2010. Tài khoản 111 có phát sinh như sau:*

*Ngày 15/01/2010: Phát sinh nợ 500*

*Ngày 01/03/2010: Phát sinh nợ 1000*

*Ngày 01/04/2010: Phát sinh nợ 1500*

*Ngày 01/09/2010: Phát sinh nợ 2000*

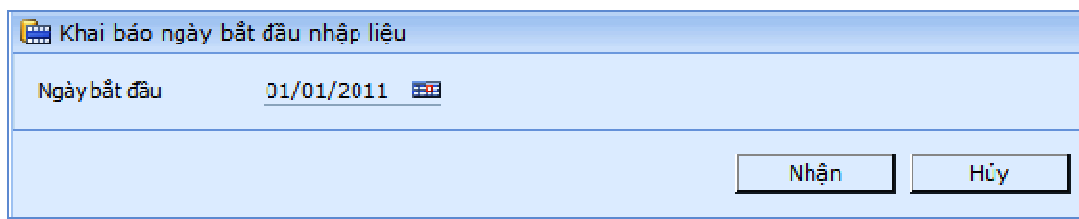
*Xem Bảng cân đối phát sinh từ ngày 01/09/2010 đến ngày 30/09/2010:*

*"Lũy kế nợ từ đầu năm đến đầu kỳ" là 1500.*

*Nếu ngày đầu năm tài chính là ngày 01/01, kết quả sẽ là 3000.*

## 1.4 Khai báo ngày bắt đầu nhập liệu

### Màn hình khai báo ngày bắt đầu sử dụng



Khai báo ngày bắt đầu nhập liệu

Ngày bắt đầu 01/01/2011

Nhận Hủy

Tại thời điểm bắt đầu sử dụng, để Fast Accounting Online theo dõi tiếp tục, phải nhập các số dư như:

- Số dư công nợ chi tiết theo từng đối tượng công nợ;

- Số dư công nợ theo từng đối tượng công nợ chi tiết theo từng hóa đơn (nếu có theo dõi);
- Số tồn kho vật tư hàng hóa;
- Số dư các tài khoản khác.

Nếu ngày bắt đầu sử dụng khác ngày bắt đầu của năm tài chính thì ngoài việc nhập số dư tài khoản còn phải nhập số dư đầu năm để lập cân đối kế toán cho năm đầu tiên sử dụng.

## 1.5 Khai báo các màn hình nhập chứng từ

Chức năng này dùng để khai báo các thông số mặc định riêng cho các chứng từ khác nhau. Các thông số mặc định này sẽ được áp dụng trong các chứng từ cụ thể khi cập nhập chứng từ, in chứng từ, lên báo cáo. Ngoài ra, còn cho phép khai báo thông tin về việc sử dụng các trường tự do sao cho phù hợp với điều kiện doanh nghiệp.

### Màn hình khai báo

Sửa khai báo các màn hình nhập chứng từ	
Mã chứng từ	PNA
Tên chứng từ	Hóa đơn mua hàng trong nước
Tên khác	Domestic Purchase Invoice
Thông tin chính   In chứng từ   Khác	
Chứng từ mẹ	PNA  Hóa đơn mua hàng trong nước
Số hiện thời	2235
Kiểm tra trùng số	1 - Theo ngày <input type="checkbox"/> Chi cảnh báo
Ngoại tệ	VND  Đồng Việt Nam
Mã giao dịch	2  Hóa đơn kiêm phiếu nhập
Loại chứng từ	2 Hoá đơn kiêm phiếu nhập
Xử lý	1  Chuyển KTTH
Người giao dịch	1 1 - Có sử dụng, 0 - Không
Người sử dụng	0 1 - Lọc theo người sử dụng, 0 - Không
<input type="button" value="Lưu"/> <input type="button" value="Hủy"/>	

### Ngăn thông tin chính

- **Mã chứng từ**

Mã của chứng từ trong chương trình. Mã này là duy nhất trong danh mục, mỗi chứng từ có một mã được chương trình qui định sẵn và không cho phép sửa đổi. Mã chứng từ được dùng để hệ thống thực thi những xử lý riêng của từng nghiệp vụ trong chứng từ. Về mặt sử dụng, mã chứng từ được dùng để lọc số liệu trong khai thác báo cáo.

- **Tên chứng từ / Tên khác**

Tên và tên tiếng Anh của chứng từ. Có thể chỉnh sửa tên chứng từ nhưng không được để trống.

- **Mã chứng từ mẹ**

Trường này khai báo để tiện cho việc đánh số tự động các chứng từ. Mỗi khi thêm một chứng từ mới thì chương trình tự động đánh số tăng thêm 1 đơn vị. Trong trường hợp các màn hình cập nhật chứng từ khác nhau nhưng lại có cùng một hệ thống đánh số chứng từ thì phải khai báo các màn hình này có chung một mã từ mẹ để cho chương trình nhận biết để đánh số tự động. Mã chứng từ mẹ phải là mã chứng từ nào đó trong danh mục chứng từ. Trong trường hợp màn hình có hệ thống đánh số riêng thì mã chứng từ mẹ trùng với chính mã chứng từ.

- **Số hiện thời**

Trường này cho biết chứng từ hiện thời đã được đánh đến số bao nhiêu. Có thể thay đổi lại số hiện tại.

*Ví dụ cần phải đánh số lại khi bắt đầu một tháng mới, thì ta chỉ việc sửa lại số chứng từ này.*

Khi lập chứng từ mới thì chương trình sẽ xét dòng hiện tại của chứng từ, có 2 trường hợp xảy ra:

- Nếu chứng từ hiện tại đang đánh số theo quyền và người sử dụng hiện tại có thể sử dụng quyền (khai báo sử dụng quyền) thì chương trình sẽ chọn tăng từ danh mục quyền.

- Nếu chứng từ hiện tại không đánh số theo quyền mà đánh số theo danh mục chứng từ thì chương trình lấy số chứng từ hiện thời trong danh mục chứng từ cộng 1 để đánh số cho chứng từ mới. Khi lưu chứng từ thì chương trình sẽ cập nhật số chứng từ mới vào trường này.

*Ghi chú:*

*Trường hợp các màn hình cập nhật chứng từ khác nhau nhưng lại có cùng một hệ thống đánh số chứng từ thì các chứng từ này phải có số hiện thời đồng nhất với nhau, khi đó chương trình mới đánh số thứ tự đúng cho các chứng từ ấy.*

- **Kiểm tra trùng số chứng từ**

Thông tin này cho phép hay không cho phép một chứng từ được đánh trùng số. Việc kiểm tra có thể được thực hiện trong một khoảng thời gian tùy chọn: ngày, tháng, quý, năm hoặc liên năm (toàn bộ cơ sở dữ liệu). Chương trình cho phép tùy chọn cảnh báo không cho lưu nếu xảy ra trùng số chứng từ, hoặc cảnh báo nhưng vẫn cho phép lưu. Việc kiểm tra thực hiện trên các tùy chọn sau:

- 0- "Không kiểm tra": chương trình không kiểm tra và cho phép lưu chứng từ trùng số;
- 1/2/3/4- "Trong cùng ngày/ tháng/ quý/ năm": chương trình kiểm tra và cảnh báo các chứng từ trùng số trong một ngày / tháng/ quý/ năm;
- 5- "Tất": chương trình kiểm tra và cảnh báo các chứng từ trùng số trong nhiều năm (toàn bộ cơ sở dữ liệu).

- **Ngoại tệ**

Mã loại tiền tệ ngầm định cho chứng từ. Mã loại tiền tệ được chọn trong danh mục tiền tệ. Khi nhập một chứng từ mới thì chương trình sẽ lấy mã loại tiền tệ này làm mã tiền tệ giao dịch ngầm định.

- **Mã giao dịch**

Mã giao dịch ngầm định của chứng từ. Mã giao dịch ngầm định dùng trong trường hợp lập mới một chứng từ có nhiều mã giao dịch khác nhau thì mã giao dịch nào sẽ mặc nhiên.

- **Loại chứng từ**

Loại chứng từ ngầm định. Loại chứng từ ngầm định dùng trong trường hợp lập mới một chứng từ có nhiều loại chứng từ khác nhau.

- **Xử lý**

Xử lý ngầm định khi lưu chứng từ. Xử lý này chỉ giới hạn ở mức chuyển hay không chuyển vào sổ cái. Tùy chọn này gồm: 0- “Chưa chuyển vào sổ cái”, 1- “Chuyển vào sổ cái”.

- **Người giao dịch**

Thông tin này cho phép cập nhật hay không cập nhật trường tên người giao dịch trên chứng từ (người nhận tiền, người giao hàng, người mua...). Tùy chọn này gồm: 1- Có sử dụng, 0- Không sử dụng. Nếu chọn 0 thì trên chứng từ sẽ không nhập liệu vào trường này được.

- **Người sử dụng**

Thông tin này thông báo cho chương trình biết là có cho phép hay không cho phép lọc chứng từ theo người sử dụng trong các màn hình cập nhật chứng từ. Tùy chọn này gồm: 0- “Không lọc” và 1- “Lọc theo người sử dụng”. Nếu khai báo bằng 1 thì chỉ được lọc các chứng từ, mà những chứng từ này do chính người dùng đang truy nhập hệ thống hiện tại đã cập nhật trước đó. Ngược lại thì cho phép lọc cả chứng từ do người sử dụng khác cập nhật.

#### **Ngăn in chứng từ**

- **Tiêu đề / tiêu đề khác**

Tiêu đề ngầm định và tiêu đề tiếng Anh của chứng từ khi in trong giao diện tiếng Anh.

- **Mã chứng từ**

Mã của chứng từ khi in các báo cáo. Mã chứng từ được dùng trong trường hợp doanh nghiệp muốn định nghĩa trước hệ thống ký hiệu của một loại chứng từ trên các báo cáo.

- **Số liên**

Số liên ngầm định của chứng từ khi in, dùng trong trường hợp phải in nhiều liên cho nhiều bộ phận liên quan.

- **Số thứ tự**

Thông tin này phục vụ việc sắp xếp các chứng từ khi lên các báo cáo chi tiết liên quan đến nhiều loại chứng từ khác nhau. Trong các báo cáo này, trong cùng một ngày thì các chứng từ có stt bé hơn sẽ được sắp xếp trước các chứng từ có stt lớn hơn.

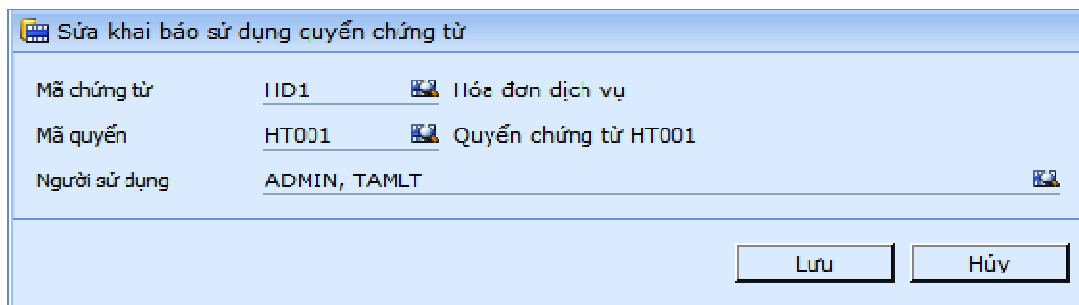
- **Số dòng khi in chứng từ**

Khai báo số dòng chi tiết khi in chứng từ.

## **1.6 Khai báo sử dụng quyền chứng từ**

Để sử dụng được quyền chứng từ, ngoài việc tạo mã quyền, cần phải khai báo sử dụng quyền cho chứng từ.

#### **Giải thích các trường**



Sửa khai báo sử dụng quyền chứng từ		
Mã chứng từ	11D1	Icon
Mã quyền	HT001	Icon
Người sử dụng	ADMIN, TAMLT	Icon

- **Mã chứng từ**

Dùng để khai báo quyền chứng từ nào được sử dụng quyền chứng từ, mã chứng từ được chọn từ danh mục danh mục chứng từ. Một quyền chứng từ có thể sử dụng cho nhiều chứng từ khác nhau.

- **Mã quyền**

Mã quyền được chọn từ danh mục quyền chứng từ, sẽ thể hiện khi cập nhật chứng từ có sử dụng mã quyền.

- **Người sử dụng**

Những người sử dụng được phép sử dụng quyền chứng từ này. Đánh dấu vào từng người sử dụng để chọn. Có thể cho phép cùng lúc nhiều người sử dụng cùng một quyền chứng từ.

*Ví dụ ứng dụng*

Vào "Danh mục quyền chứng từ", thêm mới 1 quyền với các thông số: Số bắt đầu: 0, Số kết thúc: 1000, Số hiện tại: 100.

Vào Khai báo sử dụng quyền chứng từ, chọn áp dụng mã quyền vừa tạo cho 1 chứng từ.

Sau đó vào màn hình chứng từ thêm mới, kích vào biểu tượng quyền để chọn mã quyền chứng từ.

Chương trình sẽ tự động tăng đến số 101.

(Xem thêm "[Danh mục quyền chứng từ](#)")

Chi tiết các thao tác làm việc với danh mục đề nghị xem thêm "Những hướng dẫn chung về cập nhật các danh mục"

## 1.7 Cập nhật lại số chứng từ

Chức năng này dùng để cập nhật lại hệ thống số chứng từ trong trường hợp số chứng từ nhập sai quy tắc khi in sổ sách cuối kỳ. Cách thực hiện:

Bước 1: Chọn chứng từ cần cập nhật lại:

Điều kiện lọc	
Kỳ/năm	10 2014
Từ/đến ngày	01/10/2014 31/10/2014
Loại	1 1 - Theo chứng từ, 2 - Theo quyển chứng từ
Mã quyển	
Danh sách chứng từ	HD1, HD2, HD3, HD4, HD9, HDA
Đơn vị	000ABC
<input type="button" value="Nhấn"/> <input type="button" value="Hủy"/>	

Bước 2: Nhập số bắt đầu:

Cập nhật lại số chứng từ	
Loại	1 1 - Theo chứng từ, 2 - Theo quyển chứng từ
Danh sách chứng từ	HD1, HD2, HD3, HD4, HD9, HDA, HDF
Số bắt đầu	0001
<input type="button" value="Nhấn"/> <input type="button" value="Hủy"/>	

- Kỳ/năm**

Theo kỳ dương lịch, trả về số liệu trường "Từ/đến ngày" dùng để lọc theo ngày hạch toán của các chứng từ trong sổ cái;

- Loại**

- 1 - Theo chứng từ: Chương trình sẽ thay thế số chứng từ hiện tại của những mã chứng từ có trong danh sách được chọn trong "Danh sách chứng từ".

*Lưu ý:*

*Các chứng từ được chọn phải có chung mã chứng từ mẹ, nếu không chương trình sẽ không thực hiện cập nhật.*

- 2 - Theo quyển chứng từ: Chương trình sẽ thay thế số chứng từ hiện tại của những mã chứng từ thuộc quyển có trong danh sách quyển được chọn.

*Lưu ý:*

*Quyển chứng từ được chọn không được khai báo sử dụng cho các mã chứng từ có trong danh sách (\*), nếu không chương trình sẽ không thực hiện cập nhật.*

(\*): Danh sách các chứng từ không được khai báo trong danh mục quyển:

- CO1 - Bút toán phân bổ chi phí sản xuất chung;
- PK2 - Bút toán đảo chênh lệch tỷ giá;
- PK3 - Bút toán kết chuyển tự động;



- PK4 - Bút toán phân bổ tự động;
- PK5 - Bút toán phân bổ khấu hao;
- PK6 - Bút toán chênh lệch tỷ giá;
- PK7 - Bút toán phân bổ CCDC;
- PK8 - Bút toán chênh lệch tỷ giá ghi sổ trung bình;
- PXF - Px chênh lệch (tự động) giá hàng tồn kho;
- PXG - Hóa đơn nhập mua - xuất thẳng (phần xuất).

- **Mã quyền**

Chọn nhập từ danh mục quyền chứng từ trong trường hợp "Loại" là 2, chỉ chọn những mã quyền có "Ngày phát hành" <= "Ngày từ".

- **Danh sách chứng từ**

Chọn nhập từ danh mục chứng từ trong trường hợp "Loại" là 1, .

- **Số bắt đầu**

Bắt buộc nhập trước khi thực hiện, nguyên tắc tăng giống như dùng quyền: tự tăng trên chuỗi chữ số dài nhất và ưu tiên từ trái sang phải. Cho phép nhập ký tự + số (cả trường hợp chọn quyền hoặc chọn chứng từ).

*Các lưu ý khác:*

- Sắp xếp trong màn hình duyệt và thực hiện tăng dần theo thứ tự: ngày hạch toán -> số thứ tự khi in (khai báo trong danh mục chứng từ) -> số chứng từ;
- Nếu thời gian không thuộc thời gian trong "Khai báo ngày làm việc" thì không thể thực hiện chức năng này;
- Khi khóa sổ (tổng quát hoặc theo chứng từ) thì không thể thực hiện chức năng này;
- Cho phép truy về chứng từ gốc.

## **1.8 Khai báo các tham số tùy chọn**

---

Chức năng này cho phép người sử dụng khai báo một số tham số tùy chọn để chương trình phù hợp nhất với từng doanh nghiệp cụ thể.

Khai báo các tham số tùy chọn		
Mã phân hệ: GL - Kế toán		
Xem 1-17/17 bản ghi   Làm tươi		
	Tên tham số hệ thống	Giá trị
	Danh sách tài khoản khấu trừ trong mua bán hàng hóa, vật tư	111
	Danh sách tài khoản công nợ phải thu	131,136,141,1388,137
	Danh sách tài khoản công nợ phải trả	331,3388,336
	Tài khoản chênh lệch giá hàng tồn kho	6321
	Tài khoản thu nhập tất toán cho các hóa đơn	7113
	Tài khoản chi phí tất toán cho các hóa đơn	8113
	Tài khoản xác định kết quả kinh doanh	911
	Danh sách các đầu tài khoản không có số dư	5,6,7,8,9
	Kiểm tra mã số thuế	Kiểm tra và cảnh báo
	Mã thuế GTGT đầu vào ngầm định	05
	Mã thuế GTGT đầu ra ngầm định	10
	Tính thuế đối với các mặt hàng khuyến mãi	Không
	Tính thuế tiêu thụ đặc biệt cho hàng nhập khẩu	Có
	Vào chi tiết số dư khách hàng/nhà cung cấp đầu năm tài chính	Có
	Hiển thị khuyến mãi trên hóa đơn bán hàng	Có
	Theo dõi thanh toán chi tiết theo các hóa đơn khai báo trong phần thuế đầu vào	Có
	Danh sách tài khoản tạo bút toán đảo chênh lệch tỷ giá	1121

#### Nhóm tham số liên quan đến công ty

- **Ngày quyết định về chế độ kế toán của Bộ tài chính/ Decision issuing date / Số quyết định về chế độ kế toán của Bộ tài chính / Number of Decision regulating accounting system**

Thông tin về chế độ kế toán mà doanh nghiệp đang áp dụng theo tiếng Việt Nam hoặc tiếng Anh.

- **Họ và tên của giám đốc / Director's name**

Họ và tên giám đốc theo tiếng Việt Nam hoặc tiếng Anh sẽ được in trên các báo cáo kế toán.

- **Họ và tên của kế toán trưởng/ Chief accountant's name**

Họ và tên kế toán trưởng theo tiếng Việt Nam hoặc tiếng Anh sẽ được in trên các báo cáo kế toán.

- **Mã đồng tiền hạch toán / Base currency**

Mã đồng tiền hạch toán theo quy định của chế độ kế toán Việt Nam. Theo đó, tất cả các giao dịch liên quan đến đồng tiền khác với đồng tiền hạch toán thì sẽ được quy đổi ra đồng tiền hạch toán để lên báo cáo.

- **Địa chỉ công ty / Company's Address / Tỉnh thành / Province/City / Quận huyện / District / Số điện thoại / Phone Number / Số fax / Fax Number / Địa chỉ e-mail / Email Address**

Những thông tin tương ứng theo tiếng Việt Nam hoặc tiếng Anh sẽ được trình bày trên tờ khai thuế GTGT.

- **Mã số thuế của doanh nghiệp**

Mã số thuế của doanh nghiệp. Mã số thuế sẽ được in trên các báo cáo thuế GTGT.

- **Thông tin tài khoản ngân hàng khi in hoá đơn**

Thông tin về số tài khoản ngân hàng, tên tài khoản ngân hàng sử dụng khi in hoá đơn bán hàng trực tiếp từ chương trình.

- **Mã tính chất thuế ngầm định**

Giá trị mặc nhiên khi nhập thuế GTGT đầu vào trong các chứng từ. Khai báo theo 5 tính chất sau:

- 1- Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế
- 2- Hàng hoá, dịch vụ không đủ điều kiện khấu trừ
- 3- Hàng hóa, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế và không đủ điều kiện khấu trừ thuế
- 4- Hàng hóa dịch vụ dùng chung cho dự án đầu tư đủ điều kiện khấu trừ thuế
- 5-Hàng hóa dịch vụ không phải tổng hợp lên tờ khai 01/GTGT

**Nhóm tham số liên quan đến định dạng**

- **Định dạng trường giá / Giá ngoại tệ / Tiền / Tiền ngoại tệ / Số lượng / Tỷ giá / Tỷ lệ**

Ảnh hưởng đến thể hiện các trường số trong màn hình nhập liệu và in báo cáo, chứng từ.

*Chú ý*

*Do các trường số lượng, giá, thành tiền trong chương trình được thiết kế tương ứng 3, 4, 2 số lẻ, nên việc khai báo nhiều hơn là không có ý nghĩa.*

*Chú ý:*

*Có sự khác nhau giữa khai báo ##0 và ### (Xem thêm về định dạng số trong các chương trình bảng tính)*

*Ví dụ:*

*- Nếu định dạng là "###" thì khi có giá trị 0 sẽ hiển thị là " ".*

*- Nếu định dạng là "##0" thì khi có giá trị 0 sẽ hiển thị là 0.*

*Chú ý:*

*Về việc hiển thị chỉ số lẻ trên màn hình duyệt số liệu*

*Ví dụ:*

*- Khai báo định dạng trường số lượng có 4 số lẻ: # ### ##0.0000*

*- Nhập số dư 1 số mặt hàng có số lượng là: "0.13"*

*- Xem báo cáo kho thì trường số lượng hiển thị là ".13" (mất đi số 0 đứng trước)*

*Đây không phải là lỗi chương trình. Do chương trình luôn chuyển về khuôn dạng #.## để các ô không có dữ liệu hoặc giá trị bằng 0 thì sẽ chuyển thành trống (nếu không có xử lý này thì trên màn hình duyệt số liệu sẽ toàn là 0.00 ở tất cả các ô). Phần này có thể chỉnh sửa chương trình theo khách hàng nhưng phải cân nhắc kỹ. Vì việc hiển thị chỉ trên màn hình duyệt số liệu, in ra mẫu in vẫn đúng nên khuyến cáo không nên chỉnh sửa.*

- **Ký tự ngăn cách hàng nghìn / Số thập phân**

Có thể khai báo ký tự ngăn cách hàng nghìn, thập phân.

- **Ký hiệu số âm**

Có thể khai báo ký hiệu số âm khi lên báo cáo dạng “Dấu trừ” hoặc “Dấu ngược”.

- **Kích cỡ phông chữ của ngôn ngữ thứ 2 trong báo cáo**

Có thể khai báo kích cỡ phông chữ của ngôn ngữ thứ 2 trong báo cáo.

#### **Nhóm tham số liên quan đến kế toán**

- **Danh sách tài khoản khử trùng trong mua bán hàng hoá, vật tư**

Dùng để kiểm tra việc chuyển vào sổ cái các chứng từ vật tư, hàng hóa trong trường hợp xảy ra chứng từ trùng khi mua bán vật tư bằng tiền mặt. Nghiệp vụ mua vật tư, hàng hoá trả bằng tiền mặt sẽ có phiếu chi tiền mặt và phiếu nhập vật tư, hàng hoá. Trong trường hợp nêu trên hai chứng từ đều có sơ đồ hạch toán trùng nhau nhưng do hai kế toán viên khác nhau theo dõi và chúng có thể chứa các thông tin khác nhau.

*Ví dụ như bán hàng thu tiền ngay thì hoá đơn bán hàng do kế toán tiêu thụ thực hiện và có các thông tin về lượng, đơn giá, trị giá hàng hoá còn phiếu thu tiền do kế toán tiền mặt thực hiện và chỉ có thông tin về tổng giá trị hàng bán ra. Giá trị mặc nhiên cho tham số này là 111,112. Chương trình sẽ kiểm tra mã nhập xuất trong khi lưu các chứng từ nhập xuất vật tư, nếu thuộc danh sách tài khoản khử trùng thì hạch toán trên chứng từ nhập xuất sẽ không được lưu vào sổ cái, bút toán này sẽ được nhập từ phiếu thu - chi.*

Xem thêm "Xử lý hạch toán trùng liên quan tới tiền mặt và tiền gửi ngân hàng" trong Các hướng dẫn khác về phân hệ vốn bằng tiền

- **Danh sách các tài khoản công nợ phải thu (/phải trả)**

Chương trình chỉ hiện những tài khoản công nợ được khai báo trong danh sách này khi xem báo cáo liên quan tài khoản công nợ. Khi khai báo trong danh mục tài khoản nếu không có trong danh sách này thì cũng không thể thiết lập tài khoản công nợ.

- **Tài khoản chênh lệch giá hàng tồn kho**

Chương trình tự động định khoản tiền chênh lệch của hàng tồn kho theo tài khoản này khi tính giá trung bình nếu vật tư chưa được khai báo “Tài khoản chênh lệch giá vốn” trong danh mục vật tư.

- **Tài khoản xác định kết quả kinh doanh**

Khai báo tài khoản xác định kết quả kinh doanh, chương trình ngầm định là 911.

- **Danh sách các đầu tài khoản không có số dư**

Khai báo này giúp cho chương trình nhận biết khi cập nhật các số dư đầu kỳ. Giá trị mặc nhiên của tham số này là “5,6,7,8,9”.

- **Mã thuế GTGT đầu vào ngầm định**

Khai báo mã thuế ngầm định khi thêm mới các chứng từ có cập nhật thông tin thuế GTGT đầu ra.

- **Mã thuế GTGT đầu ra ngầm định**

Khai báo mã thuế ngầm định khi thêm mới các chứng từ có cập nhật thông tin thuế GTGT đầu vào.

- **Theo dõi thanh toán trong phiếu kế toán, bù trừ công nợ**

Nếu tham số này có giá trị là “Có”, tương ứng:

- Tài khoản nhập tại cột “Tài khoản” (trong chi tiết) là “Tk công nợ” thuộc tham số “Danh sách tk công nợ phải thu” và có “Phát sinh nợ” thì hóa đơn công nợ sẽ chuyển vào hóa đơn phải thu;
- Tài khoản nhập tại cột “Tài khoản” (trong chi tiết) là “Tk công nợ” thuộc tham số “Danh sách tk công nợ phải trả” và có “Phát sinh có” thì hóa đơn công nợ sẽ chuyển vào hóa đơn phải trả.

- **Tính thuế tiêu thụ đặc biệt cho hàng nhập khẩu**

Khai báo này nếu chọn là “Có” thì trong các màn hình nhập đơn hàng nhập khẩu, tờ khai hải quan, hoá đơn mua hàng nhập khẩu sẽ có thêm các thông tin về thuế tiêu thụ đặc biệt để cập nhật.

- **Vào chi tiết số dư khách hàng/ nhà cung cấp đầu năm tài chính**

Khai báo này nếu chọn là “Có” thì trong trường hợp ngày bắt đầu nhập liệu khác với ngày bắt đầu năm tài chính, chức năng “Vào số dư đầu kỳ công nợ” thuộc phân hệ kế toán phải thu/ phải trả sẽ cho phép nhập cả số dư đầu năm tài chính theo từng đối tượng công nợ. Tùy chọn này chỉ dùng trong trường hợp số dư đầu năm tài chính có tình trạng: một đối tượng công nợ vừa có dư Nợ, vừa có dư Có trên 2 tiểu khoản khác nhau (nhưng cùng tài khoản công nợ mẹ), nhằm đảm bảo số liệu được bù trừ đúng theo qui định khi lên “Bảng cân đối kế toán”.

Việc cập nhật chi tiết này thay thế cho việc cập nhật số dư theo tài khoản tại chức năng “Vào số dư tài khoản đầu kỳ” thuộc phân hệ kế toán tổng hợp.

*Lưu ý*

*Trường hợp vẫn có tình trạng vừa dư Nợ, vừa dư Có trên nhưng không muốn nhập chi tiết cho từng đối tượng công nợ mà chỉ muốn nhập theo tài khoản thì phải khai báo tùy chọn trên là “Không”. Khi đó để số liệu được bù trừ theo đúng qui định thì người dùng phải tự bù trừ dư Nợ, dư Có giữa 2 tài khoản trước khi cập nhật vào chương trình (chỉ nhập dư Nợ hoặc dư Có sau khi bù trừ cho tài khoản có số dư lớn hơn).*

- **Tính thuế đối với các mặt hàng khuyến mãi**

Khai báo này nếu chọn là “Có” thì khi cập nhật hoá đơn bán hàng, hoặc hàng bán bị trả lại chương trình sẽ hạch toán thêm phần tiền thuế GTGT đối với các mặt hàng khuyến mãi.

*Ví dụ*

*Mặt hàng 1 giá 1000 không khuyến mãi, mặt hàng 1 giá 200 khuyến mãi, tiền thuế sẽ là  $(1000+200) * \text{thuế suất}$ .*

- **Theo dõi thanh toán chi tiết theo các hóa đơn khai báo trong phần thuế đầu vào**

Khai báo này nếu chọn là “Có” thì thông tin hoá đơn trong các phiếu hoá đơn mua hàng trong nước, hoá đơn mua dịch vụ, phiếu nhập chi phí được chuyển vào tệp theo dõi thanh toán từ Ngăn khai báo thông tin thuế đầu vào.

Với tùy chọn này thì có thể nhập nhiều hoá đơn của một nhà cung cấp trong cùng một phiếu nhập liệu. Trường hợp Ngăn thông tin thuế không có dữ liệu thì chương trình sẽ ngầm định lấy thông tin từ Ngăn chi tiết.

Khai báo này nếu chọn là “Không” thì thông tin hoá đơn được lấy từ Ngăn chi tiết. Khi đó, mỗi phiếu nhập liệu chỉ được nhập cho một hoá đơn duy nhất.

- **Hiện thị số lượng, đơn giá trên hóa đơn mua dịch vụ**

Nếu tham số "Hiện thị số lượng, đơn giá trên hóa đơn bán dịch vụ" có giá trị là "1- Có" thì:

Hóa đơn mua dịch vụ, hóa đơn dịch vụ trả lại nhà cung cấp (trường hợp đồng tiền phát sinh trùng với đồng tiền hạch toán): màn hình sẽ thêm 3 cột "Đvt", "Số lượng", "Giá bán" trước cột "Tiền";

Hóa đơn mua dịch vụ, hóa đơn dịch vụ trả lại nhà cung cấp (trường hợp đồng tiền phát sinh khác với đồng tiền hạch toán): màn hình sẽ thêm 4 cột "Đvt", "Số lượng", "Giá bán nt" trước cột "Tiền hàng nt, "Giá bán".

- **Hiện thị số lượng, đơn giá trên hóa đơn bán dịch vụ**

Nếu tham số "Hiện thị số lượng, đơn giá trên hóa đơn bán dịch vụ" có giá trị là "1- Có" thì:

Hóa đơn dịch vụ, hóa đơn dịch vụ trả lại (trường hợp đồng tiền phát sinh trùng với đồng tiền hạch toán): màn hình sẽ thêm 3 cột "Đvt", "Số lượng", "Giá bán" trước cột "Tiền";

Hóa đơn dịch vụ, hóa đơn dịch vụ trả lại (trường hợp đồng tiền phát sinh khác với đồng tiền hạch toán): màn hình sẽ thêm 4 cột "Đvt", "Số lượng", "Giá bán nt" trước cột "Tiền hàng nt, "Giá bán" cho nằm trước cột "Tiền"

- **Ký hiệu mẫu số hóa đơn đầu vào ngầm định/ Ký hiệu mẫu số hóa đơn đầu ra ngầm định**

Hai tham số: "Ký hiệu mẫu số hóa đơn đầu vào ngầm định", "Ký hiệu mẫu số hóa đơn đầu ra ngầm định" do người dùng tự cập nhật vào, không bắt buộc nhập.

Nếu người sử dụng cập nhật ký hiệu mẫu số hóa đơn tại 2 tham số này thì chương trình sẽ ngầm định khi lập các chứng từ có trường "Ký hiệu mẫu" để lên báo cáo thuế.

- **Kiểm tra thuế trên bảng kê và ghi sổ**

Chương trình chỉ thực hiện kiểm tra khi tham số này được chọn là có. Kiểm tra trên các chứng từ: phiếu kế toán; chứng từ phải thu khác; chứng từ bù trừ công nợ trên phân hệ "bán hàng", "mua hàng".

Nếu số liệu của tài khoản thuế ở ngân chi tiết và ngân thuế khác nhau, cảnh báo và không cho lưu: Thông tin thuế trên bảng kê khác với thông tin thuế ghi sổ trong chi tiết của tài khoản "xyz".

- **Kiểm tra trùng hóa đơn trên các phiếu có thuế giá trị gia tăng đầu vào**

Nếu chọn tham số "Kiểm tra trùng hóa đơn trên các phiếu có thuế giá trị gia tăng đầu vào" là "Có", chương trình sẽ cảnh báo và không cho lưu khi các chứng từ sau có Mã số thuế, Ngày hóa đơn, Số Sê ri và Số hóa đơn trùng nhau

1. Kế toán tiền:

- Phiếu báo nợ;
- Phiếu chi.

2. Kế toán tổng hợp:

- Phiếu kế toán.

3. Kế toán phải trả:

- Hóa đơn mua hàng trong nước;
- Hóa đơn mua hàng nhập khẩu;

- Hóa đơn mua dịch vụ;
  - Hóa đơn nhập mua – xuất thẳng;
  - Phiếu nhập chi phí;
  - Phiếu thanh toán tạm ứng;
  - Chứng từ bù trừ công nợ;
  - Phiếu xuất trả lại nhà cung cấp (chỉ kiểm nếu không chọn vào ô “Chuyển vào tệp thuế đầu ra”).
4. Kế toán phải thu:
- Phiếu nhập hàng bán bị trả lại (chỉ kiểm nếu có chọn vào ô “Chuyển vào tệp thuế đầu vào”);
  - Hóa đơn dịch vụ trả lại (chỉ kiểm nếu có chọn vào ô “Chuyển vào tệp thuế đầu vào”);
  - Chứng từ bù trừ công nợ.
5. Báo cáo thuế:
- Vào các hóa đơn GTGT đầu vào.
- **Kiểu lãi suất đi vay, cho vay**  
Cho phép lãi suất (%) tính theo năm hoặc tháng. Nếu tham số có giá trị là "Năm" thì lãi suất (nhập trong danh mục khế ước) được chia tiếp cho 12 tháng. (Xem cách tính "Bảng kê tính lãi chi tiết theo khế ước")
  - **Kiểm tra trùng mã số thuế**  
Bao gồm 3 tùy chọn: không kiểm tra; kiểm tra và cảnh báo; kiểm tra và không cho lưu. Chức năng này sẽ kiểm tra nếu mã số thuế doanh nghiệp bị trùng khi cập nhật danh mục khách hàng, nhà cung cấp.
  - **Kiểu đánh giá chênh lệch tỷ giá đối với số dư tài khoản công nợ/ Ds tài khoản công nợ đánh giá CLTG số dư bên Nợ/ Ds tài khoản công nợ đánh giá CLTG số dư bên Có**  
Có hai lựa chọn: Đánh giá số dư một bên; Đánh giá số dư hai bên
    - Đối với đánh giá số dư một bên:
      - + Nếu giá trị tham số trên là “Đánh giá số dư một bên” và tài khoản công nợ cần đánh giá thuộc tham số “Ds tài khoản công nợ đánh giá CLTG số dư bên Nợ” thì chương trình chỉ xử lý đánh giá đối với các mã khách có số dư cuối kỳ bên Nợ;
      - + Nếu giá trị tham số trên là “Đánh giá số dư một bên” và tài khoản công nợ cần đánh giá thuộc tham số “Ds tài khoản công nợ đánh giá CLTG số dư bên Có”, chương trình chỉ đánh giá đối với các mã khách có số dư cuối kỳ bên Có;
    - Đối với đánh giá số dư hai bên/ Đối với tài khoản thường:
 

Chương trình xử lý đánh giá và hạch toán bên nợ hay bên có cho tài khoản phụ thuộc vào số dư của tài khoản cần đánh giá.
  - **Kiểu đánh giá chênh lệch tỷ giá đối với số dư tài khoản công nợ/ Ds tài khoản công nợ đánh giá CLTG số dư bên Nợ/ Ds tài khoản công nợ đánh giá CLTG số dư bên Có**  
Có hai lựa chọn: Đánh giá số dư một bên; Đánh giá số dư hai bên
    - Đối với đánh giá số dư một bên:

- + Nếu giá trị tham số trên là “Đánh giá số dư một bên” và tài khoản công nợ cần đánh giá thuộc tham số “Ds tài khoản công nợ đánh giá CLTG số dư bên Nợ” thì chương trình chỉ xử lý đánh giá đối với các mã khách có số dư cuối kỳ bên Nợ;
- + Nếu giá trị tham số trên là “Đánh giá số dư một bên” và tài khoản công nợ cần đánh giá thuộc tham số “Ds tài khoản công nợ đánh giá CLTG số dư bên Có”, chương trình chỉ đánh giá đối với các mã khách có số dư cuối kỳ bên Có;
- Đối với đánh giá số dư hai bên/ Đối với tài khoản thường: Chương trình xử lý đánh giá và hạch toán bên nợ hay bên có cho tài khoản phụ thuộc vào số dư của tài khoản cần đánh giá.

#### Nhóm tham số liên quan đến tồn kho

- **Cách tính giá trung bình**

Tùy chọn tính giá trung bình chung cho tất cả các kho hay theo từng kho.

- **Tính giá trung bình chung cho các kho theo nhóm kho**

Tùy chọn tính giá cho 1 nhóm kho, được thiết kế để sử dụng trong trường hợp tính giá theo từng nhóm kho trong 1 đơn vị cơ sở riêng biệt (hoặc 1 nhóm kho có tính chất tương tự nhau, ví dụ kho khuyến mãi), các xử lý chỉ ảnh hưởng đơn vị đó.

- **Cách tính giá NTXT**

Tùy chọn tính giá NTXT đúng theo từng ngày hay đúng theo tháng.

- “Đúng theo ngày”: Tùy chọn tính toán đúng theo từng ngày cho một phiếu xuất. Nếu một phiếu xuất theo giá NTXT có số lượng xuất lớn hơn tồn kho cho đến ngày xuất thì chương trình sẽ không tính được giá cho phiếu xuất này và sẽ hiện thông báo “Không đủ vật tư để xuất” để người dùng kiểm tra lại.
- “Đúng theo tháng”: tùy chọn tính toán đúng theo tháng. Những phiếu nhập hoặc tồn kho chỉ cần đáp ứng số lượng xuất theo tháng.

- **Áp chênh lệch vào phiếu xuất cuối cùng**

Nếu chọn là “Có” thì chương trình sẽ tự động áp khoản tiền chênh lệch của hàng tồn kho khi tính giá trung bình vào phiếu xuất cuối cùng.

- **Tạo phiếu xuất chênh lệch trong trường hợp vật tư không có xuất trong kỳ**

Nếu chọn là “Có” thì chương trình sẽ tự động tạo phiếu xuất chênh lệch giá vốn hàng tồn kho ngay cả trong trường hợp vật tư không có phát sinh xuất trong kỳ nhưng có chênh lệch.

*Lưu ý*

*Trường hợp vật tư được tính theo giá chung cho các kho và khi tính giá trung bình có khai báo tại trường “Tạo PX chênh lệch” = 2 – “Tất cả các trường hợp” thì tham số này phải được chọn là “Có” để số liệu tồn kho sau khi tạo chênh lệch vẫn đảm bảo tính hợp lý và cân đối.*

- **Có/Không tính giá trung bình ngoại tệ**

Có tính giá trung bình theo ngoại tệ hay chỉ tính giá trung bình theo đồng tiền hạch toán. Nếu tính giá trung bình theo ngoại tệ, phải nhập phát sinh nhập theo ngoại tệ.

#### Nhóm tham số liên quan đến giá thành

- **Tính giá thành theo sản phẩm**



Chọn là “Có” để xác nhận đối tượng tính giá thành là sản phẩm.

- **Tính giá thành theo bộ phận**

Chọn là “Có” nếu đối tượng tính giá thành có thêm yếu tố là “Bộ phận”.

- **Tính giá thành theo lệnh sản xuất**

Chọn là “Có” nếu đối tượng tính giá thành có thêm yếu tố là “lệnh sản xuất”.

- **Làm tròn trường hệ số**

Khai báo số lẻ khi tạo hệ số, chương trình ngầm định là 4.

- **Tính định mức nhiều bước**

Bao gồm 2 tùy chọn:

- Nếu chọn là “Có”, chương trình sẽ tính đến cùng định mức vật tư có trong thành phẩm;
- Nếu chọn là “Không”, chương trình chỉ quan tâm định mức có trong thành phẩm.

#### **Nhóm tham số liên quan đến tài sản cố định**

- **Tính khấu hao theo ngày**

Bao gồm 2 tùy chọn:

- Nếu chọn là “Có”, chương trình sẽ tính khấu hao kể từ ngày mà tài sản được đưa vào sử dụng thực tế hoặc khi tài sản được khai báo giảm;
- Nếu chọn là “Không”, chương trình sẽ tính khấu hao theo nguyên tắc tròn kỳ.

- **Tính hết giá trị còn lại vào kỳ kết thúc khấu hao**

Tùy chọn này là “Có” thì khi tính khấu hao tại kỳ kết thúc tính khấu của tài sản cố định, chương trình sẽ trích khấu hao theo toàn bộ giá trị còn lại của tài sản.

Thông tin “Ngày kết thúc” khấu hao của tài sản được cập nhật trong phần “Cập nhật thông tin tài sản cố định”. Trường hợp để trống “Ngày kết thúc” thì tùy chọn trên không có tác dụng.

#### **Nhóm tham số liên quan đến CCDC**

Ý nghĩa tương tự như “Nhóm tham số liên quan đến tài sản cố định”.

#### **Thao tác**

- **Sửa giá trị của các tham số tùy chọn**

Để sửa giá trị của một tham số ta thực hiện theo các bước sau:

- Chọn nhấn phím chức năng "Sửa".
- Màn hình sẽ xuất hiện ô nhập giá trị để sửa giá trị của các tham số tùy chọn.
- Tiếp theo cập nhật các giá trị mới cho các tham số.
- Để chấp nhận các giá trị sau khi cập nhật chọn nút lệnh "Lưu".

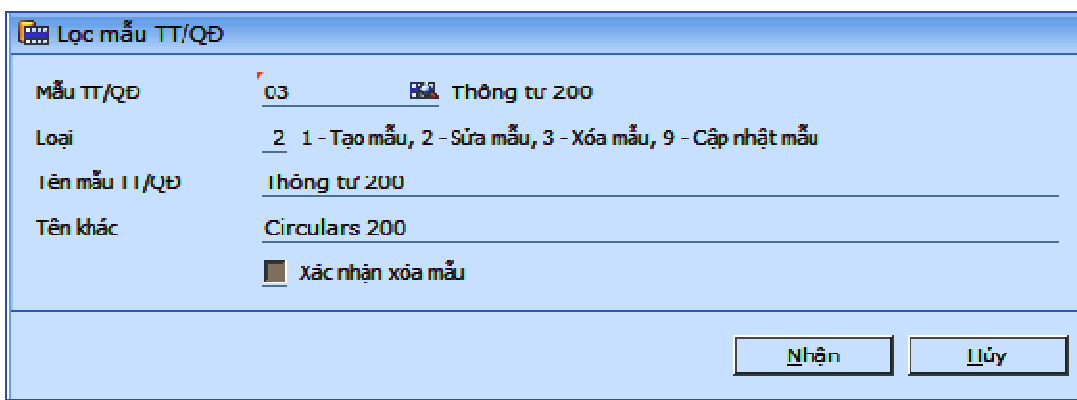
- **Phục hồi các giá trị cũ của tham số**


Để phục hồi lại giá trị ban đầu của chương trình (các giá trị mặc nhiên) khi cài đặt ta chọn chức năng phục hồi lại giá trị cài đặt.

Lưu ý là các tham số tùy chọn này được dùng chung cho tất cả các đơn vị cơ sở trong cùng một cơ sở dữ liệu.

## 2 Tiện ích

### 2.1 Thông tin báo cáo...



Lọc mẫu TT/QĐ	
Mẫu TT/QĐ	03  Thông tư 200
Loại	2 1 - Tạo mẫu, 2 - Sửa mẫu, 3 - Xóa mẫu, 9 - Cập nhật mẫu
Tên mẫu TT/QĐ	Thông tư 200
Tên khác	Circulars 200
	<input type="checkbox"/> Xác nhận xóa mẫu
<input type="button" value="Nhập"/> <input type="button" value="Lưu"/>	

Dùng để khai báo phần thông tin mẫu hàng loạt cho các chứng từ, báo cáo theo các quyết định, thông tư,... của Bộ Tài chính.

#### 2.1.1 Thông tin cần khai báo

Thông tin sẽ được cập nhật theo thứ tự các dòng từ trên xuống, thông thường là bốn dòng.

Ví dụ các thông tin cần khai báo cho Phiếu thu tiền mặt theo mẫu của thông tư 200:

1. Tên: Mẫu số 01-TT

Tên khác: Form 01-TT

2. Tên: (Ban hành theo QĐ số

Tên khác: (Issued with Decision No.

3. Tên: 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

Tên khác: 200/2014/TT-BTC Dated Dec 22th 2014

4. Tên: của Bộ trưởng BTC)

Tên khác: of the Ministry of Finance)

#### 2.1.2 Một số thao tác khi thực hiện

- **1-Tạo mẫu**

Dùng khi đã có mẫu chuẩn, muốn tạo thêm mẫu mới dựa vào khai báo đã có sẵn

- **2-Sửa mẫu**

Chỉ được quyền sửa lại những mẫu mà trước đó đã chọn 1-Tạo mẫu

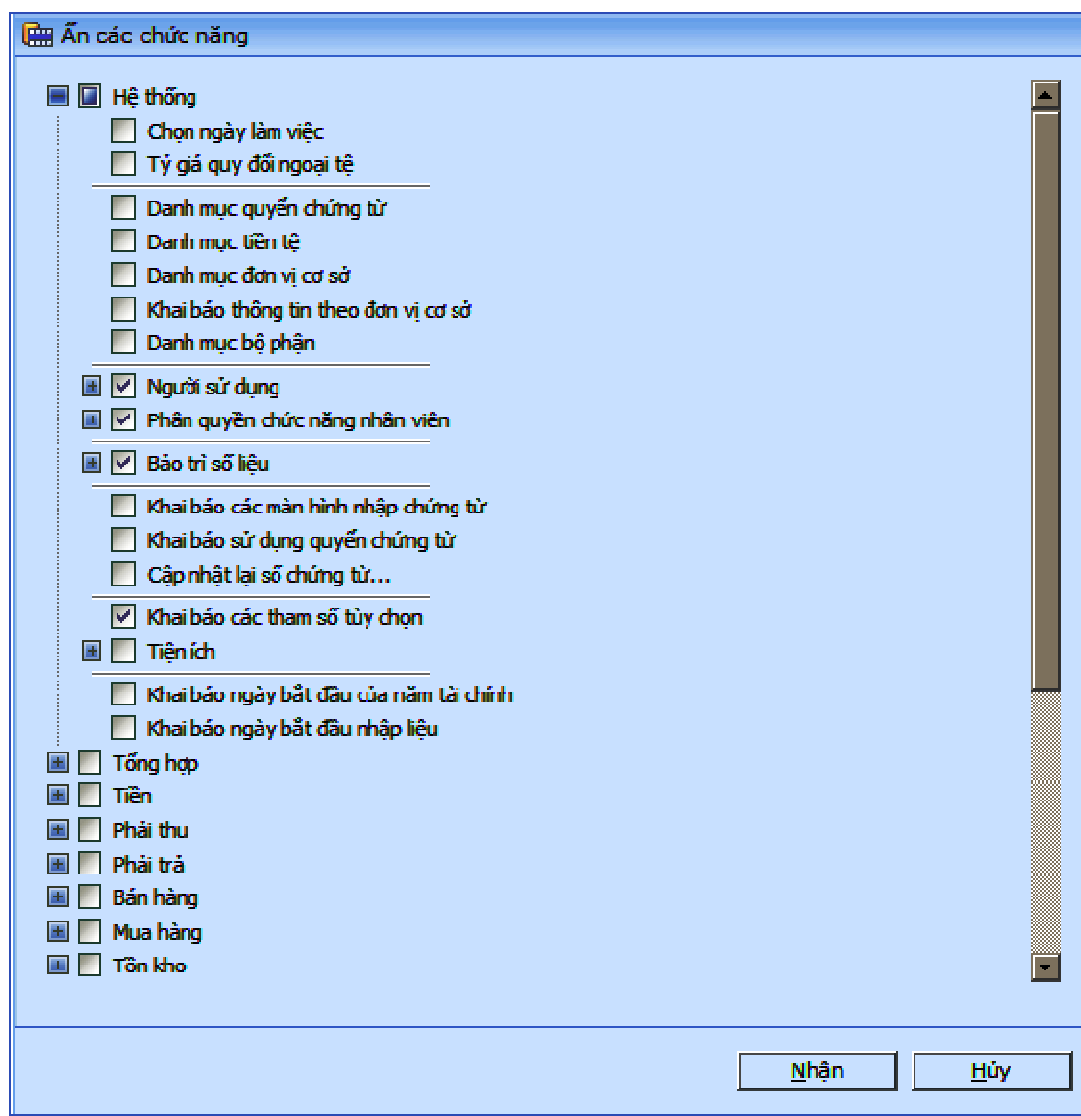
- **3-Xóa mẫu**

Có thể xóa những mẫu đã tạo và sửa, người dùng tích chọn vào ô "Xác nhận xóa mẫu" và nhấn "Nhập" để xóa

- **9-Cập nhật mẫu**

Muốn in chứng từ, báo cáo với mẫu số nào, người sử dụng chọn mẫu thông tư/quyết định đó đồng thời chọn loại là 9-Cập nhật mẫu trước khi in.

## 2.2 Quản lý chức năng



Tiện ích này giúp người dùng ẩn một số chức năng được phân quyền nhưng tạm thời chưa cần dùng đến hoặc ít dùng. Chức năng này chỉ ảnh hưởng đến thể hiện giao diện người dùng, không ảnh hưởng tới các người dùng khác.

## 3 Quản trị người sử dụng

### 3.1 Khai báo người sử dụng

Chương trình buộc nhập mật khẩu cho từng người dùng khi chạy chương trình. Việc khai báo người sử dụng thực hiện trong "Khai báo người sử dụng". Trong các thao tác

hiệu chỉnh các giao dịch, danh mục từ điển của phiên làm việc, chương trình luôn lưu lại thời gian và mã của người tạo ra cũng như của người thực hiện sửa chữa lần cuối cùng. Có thể xem nhanh thông tin này trong chứng từ. (Tham khảo thêm trong phần hướng dẫn nhập liệu chung của phân hệ cụ thể).

### Màn hình khai báo người dùng

#### 3.1.1 Giải thích màn hình khai báo người dùng

- **Tên**  
Tên người dùng sẽ dùng để truy nhập hệ thống. Tên là mã hóa của người dùng, không được gõ dấu hoặc khoảng trắng.
- **Tên đầy đủ**  
Khai báo tên đầy đủ của mã người dùng. Tên đầy đủ của người dùng nhập tự do.
- **Xác nhận mật khẩu**  
Dùng để bảo mật mật khẩu cho người dùng trong trường hợp người dùng tạm rời máy tính mà không đăng xuất, khi đó, tuy người khác đã làm việc với chương trình nhưng không thể sửa mật khẩu hiện hành. Mật khẩu xác nhận được hiểu là của người dùng hiện tại.
- **Mật khẩu / Nhắc lại mật khẩu**  
Mật khẩu và mật khẩu nhắc lại phải như nhau. Sau khi “Người quản trị” tạo mới người dùng, người dùng đó có thể tự sửa mật khẩu cho riêng mình.
- **Cấp bảo mật mật khẩu**  
Cấp bảo mật mật khẩu cho phép chọn các cấp độ sau:
  - Tối thiểu 6 ký tự;

- Bao gồm số và chữ;
- Có tối thiểu một chữ hoa;
- Có ký tự khác ngoài số và chữ.

*Lưu ý:*

- *Chọn cấp mật khẩu sau thì ngầm định phải hiểu là bao gồm cả các cấp độ trước;*
- *Các cấp độ trên đều hiểu là “Tối thiểu phải có” chứ không phải dạng bắt buộc.*

*Ví dụ:*

*Chọn cấp độ 3 thì phải hiểu là mật khẩu tối thiểu phải có số và chữ, chứ không phải bắt buộc mật khẩu chỉ bao gồm số và chữ (tức vẫn có thể có ký tự khác ngoài số và chữ...).*

Những cảnh báo có thể kết xuất:

- “Mật khẩu tối thiểu phải từ 6 ký tự” tương ứng với cấp độ 1;
- “Mật khẩu tối thiểu phải từ 6 ký tự và phải có số và chữ” tương ứng với cấp độ 2;
- “Mật khẩu tối thiểu phải từ 6 ký tự, phải có số và chữ, phải có một chữ hoa” tương ứng với cấp độ 3;
- “Mật khẩu tối thiểu phải từ 6 ký tự, phải có số và chữ, phải có một chữ hoa, phải có ký tự khác ngoài số và chữ” tương ứng với cấp độ 4.

- **Số ngày phải thay đổi mật khẩu**

Nhập = 0 hiểu là không cần phải thay đổi mật khẩu, nhập = n nghĩa là n ngày sau đó chương trình sẽ bắt thay đổi mật khẩu khi truy nhập (Cảnh báo “Mật khẩu hiện hành đã hết hạn”)

- **Phải thay đổi mật khẩu lần tới**

Nếu chọn là “Có” thì khi truy nhập vào chương trình lần đầu, chương trình sẽ yêu cầu đổi mật khẩu.

- **Cho phép trùng mật khẩu cũ**

Nếu chọn là “Không” thì khi đổi mật khẩu chương trình sẽ kiểm tra mật khẩu mới và 2 mật khẩu cũ liền kề trước xem có trùng không, nếu trùng thì cảnh báo. (Cảnh báo “Không được phép trùng mật khẩu cũ”)

*Chú ý*

*Ngoài việc ràng buộc cấp bảo mật mật khẩu, một số cụm từ không đặt mẫu khẩu được ngầm định trong danh sách như sau: 111111, 123456, 654321, 1234567, 12345678, 123456789, 0123456789, 1234567890, 123123, abc123, qwerty, qazwsx, password, passw0rd, monkey, letmein, trustno1, dragon, baseball, iloveyou, master, sunshine, ashley, bailey, shadow, superman, michael, football Tuy nhiên danh sách này có thể thay đổi được.*

- **Được phép phân quyền cấp dưới**

Cho phép phân quyền theo cấp, số cấp không hạn chế. Trường hợp một người dùng cấp dưới được phân quyền từ nhiều người dùng cấp trên các cấp (kể cả người dùng admin phân quyền - nếu có) thì nguyên tắc là “Hoặc” quyền (giống như trường hợp một người dùng được admin phân quyền riêng và phân quyền theo nhóm NSD trong chương trình hiện tại);

người quản trị là người duy nhất được phép tạo mới người dùng, tạo/đổi mật khẩu cho người dùng, thêm nhân viên cấp dưới cho người dùng.

### 3.1.2 Thông tin khác

- **Điện thoại di động**

Số điện thoại di động dùng trong chức năng gửi tin nhắn cho các cá nhân có quyền duyệt chứng từ tương ứng (Đơn hàng, phiếu nhu cầu).

- **Thư (Email)**

Địa chỉ thư điện tử dùng trong chức năng gửi thư điện tử cho các cá nhân có quyền duyệt chứng từ tương ứng (Đơn hàng, phiếu nhu cầu).

- **Ngôn ngữ ngầm định**

Tùy chọn ngôn ngữ sẽ được gửi qua tin nhắn hoặc thư điện tử.

*Chú ý*

*Chương trình không cho phép một người dùng đăng nhập 2 lần - nghĩa là nếu đã đăng nhập rồi thì không thể dùng mã người dùng (user) vừa đăng nhập để vào chương trình được nữa.*

- Muốn truy nhập lại user tại máy khác (hoặc trình duyệt khác) thì phải nhấn Thoát (Logout);
- Nếu nhấn tắt trình duyệt nghĩa là vẫn chưa thoát được, lúc này để đăng nhập lại thì phải chờ hết phiên làm việc (hiện tại là 20 phút);
- Trong trường hợp truy nhập lại user tại máy khác (hoặc trình duyệt khác) máy sẽ hỏi người dùng có tắt phiên làm việc cũ hay không, nếu có, sau khi chấp nhận thì phiên làm việc cũ bị mất hiệu lực hoàn toàn.

Đăng nhập English

Fast Accounting Online

Công ty FAO\_PTSP\_App

Tên NHANTT

Đơn vị Công ty ABC

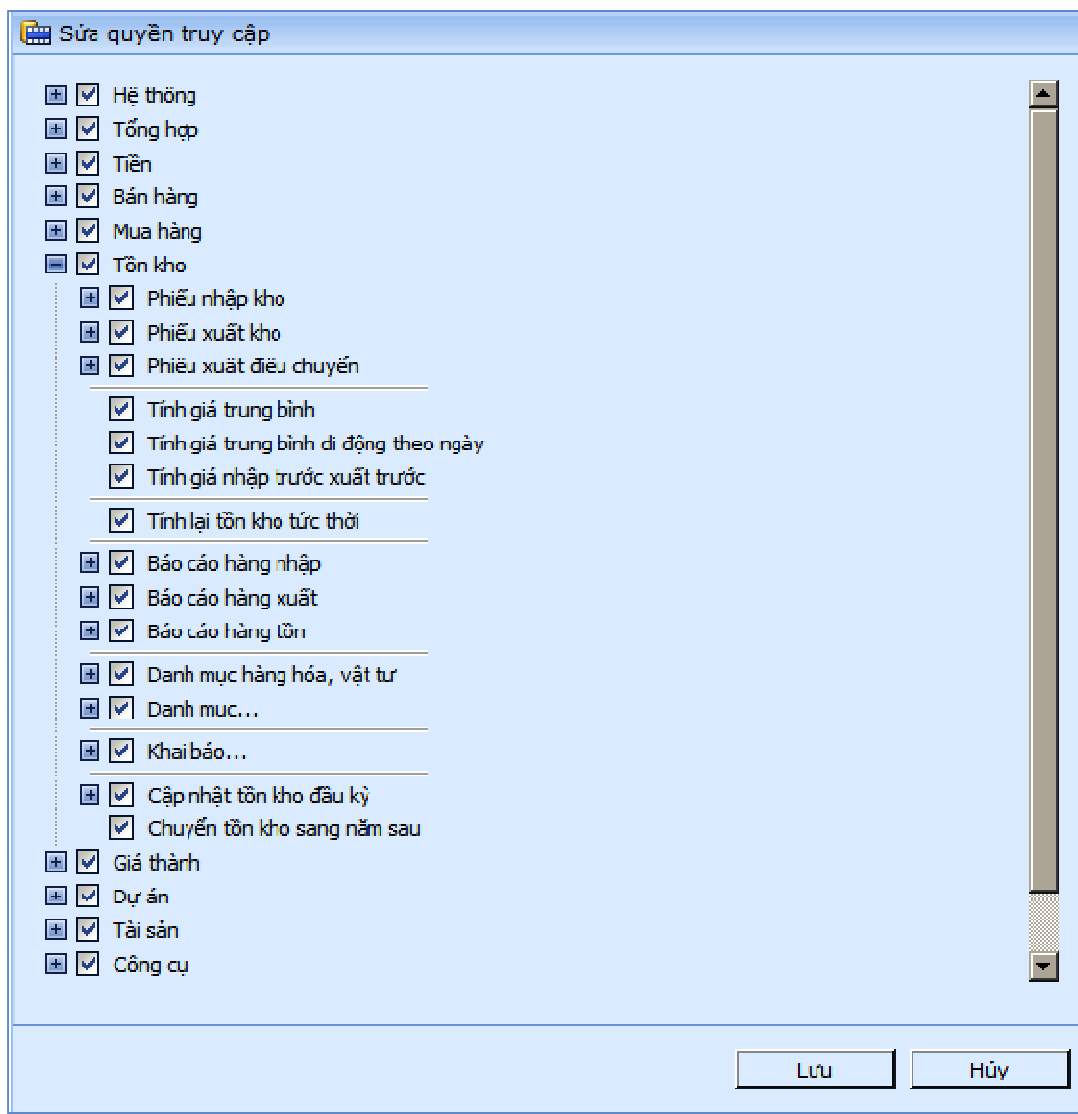
Mật khẩu .....

Dễ đăng nhập. Hãy phiên làm việc trước

Nhấn Hủy

## 3.2 Phân quyền truy nhập

Chức năng này dành cho người quản trị chương trình để phân quyền cho các người dùng chuyên môn khác. Vào chức năng Phân quyền truy nhập, chọn người dùng cần phân quyền sau đó nhấn nút sửa.




Để phân quyền, cần chọn từng nhánh phân hệ, sau đó chọn vào các ô chọn. Nếu chọn cả nhánh thì tất cả các nhánh trong cùng đều có hiệu lực tương tự, ngược lại có thể chọn từng mục nhỏ. Chức năng cho phép chọn phân quyền đến từng thao tác ("Mới", "Sửa", "Xóa", "Xem của người khác", "Sửa của người khác", "Xóa của người khác", "Chuyển KTTH", "Chuyển sổ cái").

Xử lý: khi người dùng bình thường (không là quản trị) thực hiện "Sửa" hoặc "Xóa" các chứng từ do người dùng khác tạo thì phải kiểm tra thêm 2 quyền "Sửa của người khác", "Xóa của người khác".

### 3.3 Phân quyền truy nhập theo đơn vị cơ sở

**Thêm quyền truy nhập theo đơn vị cơ sở**

Đơn vị: ABC Công ty ABC

Người sử dụng: TAMLT  Lê Tiến Tâm

---

**Thông tin chính**

Chức năng	Cho phép
Mới	<input checked="" type="checkbox"/>
Sửa	<input checked="" type="checkbox"/>
Xóa	<input checked="" type="checkbox"/>
Truy cập	<input checked="" type="checkbox"/>

Chương trình cho phép phân quyền xử lý, truy cập theo từng đơn vị cơ sở cho từng người sử dụng. Ngoài ra, cũng có thể phân quyền cho một nhóm người sử dụng. Trường hợp đã phân quyền cho nhóm người sử dụng thì không cần phải phân quyền cho từng người sử dụng. Tuy nhiên, nếu muốn hạn chế hoặc thêm quyền cho một người sử dụng nào đó thì phải khai báo chi tiết cho người sử dụng đó.

### 3.4 Giới hạn địa chỉ truy cập

Chức năng này dùng để khai báo các địa chỉ máy tính không được phép truy cập vào chương trình Fast Accounting Online.

Bất kỳ người dùng nào truy cập từ những địa chỉ này, khi truy nhập, chương trình sẽ thông báo “Tên hoặc mật khẩu không đúng”. Vì vậy trong trường hợp không truy nhập được và chương trình báo như trên, cần liên hệ với người quản trị hệ thống để kiểm tra.

Cú pháp khai báo địa chỉ: giữa các lớp mạng cách nhau bởi dấu chấm (.).

Ví dụ: 192.168.1.5

<b>Giới hạn địa chỉ truy cập</b>	
Cập nhật giới hạn địa chỉ truy cập.	
    Xem 1-4/4 bản ghi   Làm tươi	
Địa chỉ truy cập	Diễn giải
172.168.5.1	KHOALD IP
172.168.50.125	Restricted Proxy Server
192.168.1.5	Restricted Proxy Server
255.255.255.255	Restricted Proxy Server

### 3.5 Giới hạn địa chỉ truy cập theo người dùng

Chức năng này dùng để khai báo các địa chỉ máy tính được phép truy cập vào chương trình Fast Accounting Online cho một người dùng. Với người dùng cụ thể, nếu có khai báo địa chỉ máy trong danh sách này, chỉ khi nào truy cập từ địa chỉ được khai báo thì



hệ thống mới cho phép truy nhập chương trình. Ngược lại, chương trình sẽ thông báo “Tên hoặc mật khẩu không đúng” .

Vì vậy trong trường hợp không truy nhập được và chương trình báo như trên, cần liên hệ với người quản trị hệ thống để kiểm tra.

Cú pháp khai báo địa chỉ: giữa các lớp mạng cách nhau bởi dấu chấm (.).

Ví dụ: 192.168.1.5

<b>Giới hạn địa chỉ truy cập của người sử dụng</b>			
Khai báo các địa chỉ giới hạn người sử dụng chỉ được phép truy cập.			
Xem 1-4/4 bản ghi   Làm tươi			
	Người sử dụng	Tên đầy đủ	Địa chỉ truy cập
	DUYTQ	Trần Quốc Duy	172.168.5.106
	HIEUDT	Đào Trung Hiếu	172.168.5.253
	anhbtn	Bùi Thị Ngọc Anh	172.168.5.106
	0011	Lê Đăng Khoa	123.12333

## 4 Bảo trì dữ liệu

### 4.1 Khóa số liệu theo chứng từ

Chương trình có thêm chức năng khóa số liệu cho từng chứng từ theo người sử dụng. Kể từ ngày khóa số liệu trở về trước, không thể hiệu chỉnh hoặc thêm mới bất kỳ chứng từ nào, nếu buộc phải hiệu chỉnh số liệu một kỳ đã khóa, phải “Mở” bằng cách khóa với ngày của kỳ trước đó.

Ví dụ:

Muốn mở kỳ 05/2012 thì phải khóa đến ngày 30/04/2012 tức kỳ 04/2012.

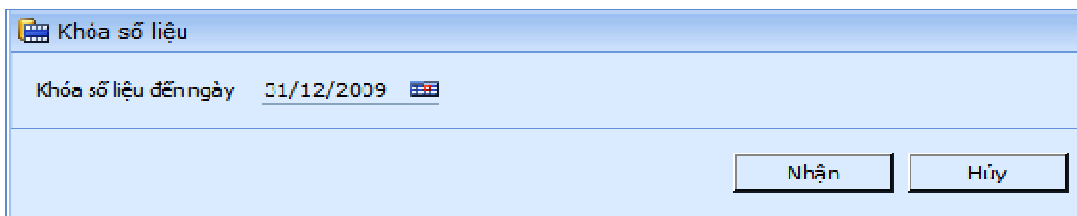
#### Màn hình khóa số liệu theo chứng từ

Trong trường hợp cần khóa một chứng từ cho một vài người người dùng, thêm mới dòng, nhập chứng từ và người dùng cần khóa.

Sửa khóa số liệu theo chứng từ			
Người sử dụng	KHOALD		Le Dang Khoa
Chứng từ	BC1		Giấy báo có
Ngày khóa số	31/12/2011		
			<input type="button" value="Lưu"/> <input type="button" value="Hủy"/>

### 4.2 Khóa số liệu

Chương trình có chức năng khóa dữ liệu khi đã nhập liệu và hoàn tất chứng từ cho một kỳ báo cáo. Kể từ ngày khóa số liệu trở về trước, không thể hiệu chỉnh hoặc thêm mới bất kỳ chứng từ nào.



Nếu buộc phải hiệu chỉnh số liệu một kỳ đã khóa, phải “Mở” bằng cách khóa với ngày của kỳ trước đó.

*Ví dụ:*

*Muốn mở kỳ 05/2012 thì phải khóa đến ngày 30/04/2012 tức kỳ 04/2012.*

Tốt nhất nên giới hạn quyền khóa cho một số đối tượng quản trị (Administrator) của hệ thống để hạn chế những khả năng trục trặc về số liệu đã khóa sổ.

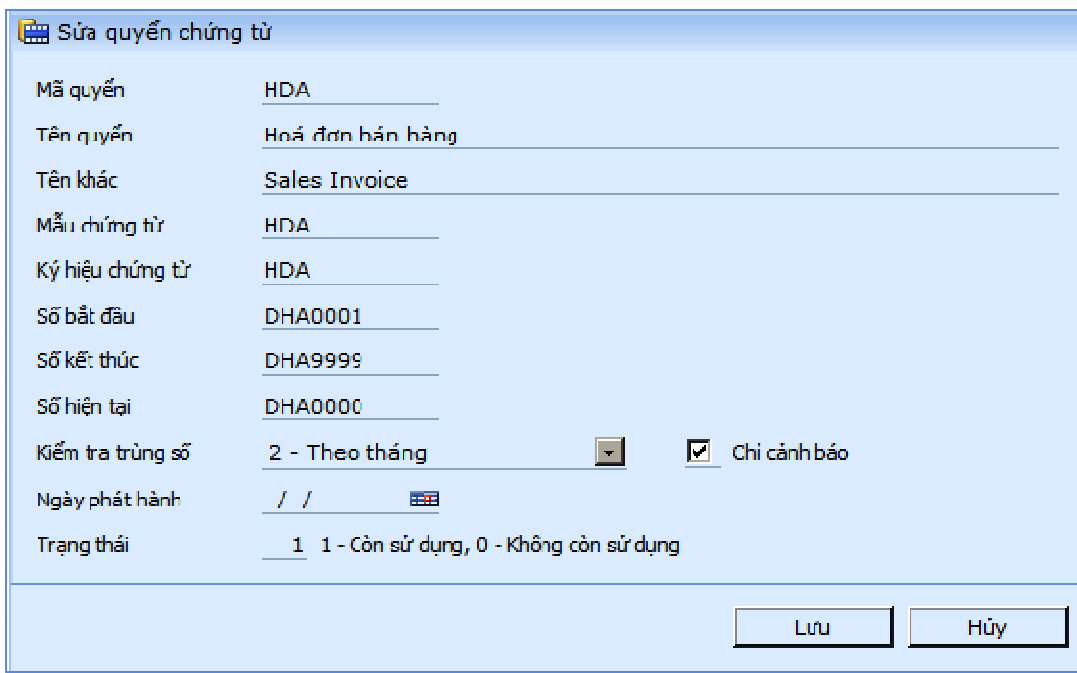
*Chú ý:*

*Riêng chức năng “Phân bổ tiền hàng trả cho các hóa đơn”, việc kiểm tra ngày khoá sổ sẽ so sánh giữa “Ngày hạch toán” (ngay\_ct) của hoá đơn và “Ngày khoá sổ”.*

## 5 Danh mục

### 5.1 Danh mục quyền chứng từ

#### Giải thích các trường



- **Mã quyền**

Mã quyền do người dùng định nghĩa, dùng để tổ hợp với mã chứng từ trong danh mục chứng từ để áp dụng quy luật tăng số. Xem thêm Khai báo sử dụng quyền chứng từ.

- **Mẫu chứng từ**

Mẫu chứng từ dùng cập nhật ký hiệu mẫu của hóa đơn trong trường hợp sử dụng hóa đơn tự in, trường này được kết xuất từ danh mục "Khai báo ký hiệu mẫu số hóa đơn", không bắt buộc nhập.

- **Ký hiệu chứng từ**

Ký hiệu hóa đơn trong trường hợp sử dụng hóa đơn tự in. Ví dụ có thể nhập: AB/12P.

- **Số bắt đầu**

Số bắt đầu của một quyền chứng từ sẽ quy định quy tắc tăng số chứng từ của quyền chứng từ đó.

Khi muốn số chứng từ thể hiện: "PT01", PT01/09/11.. Có thể khai báo số chứng từ theo ngày, tháng, năm, tên của chứng từ. Và không được để trống, số bắt đầu phải khai báo đồng nhất với số kết thúc, số hiện tại. Để khai báo số chứng từ theo tháng năm, thì giữa số chứng từ, tháng và năm phải có dấu "/" hay "\_". Chương trình sẽ tự động tăng lên đối với chuỗi số nào dài hơn, nếu các chuỗi bằng nhau thì chương trình tự động tăng chuỗi đầu tiên.

*Ví dụ*

*PT01/09/11- phiếu thu số 1, tháng 9 năm 2011, chương trình sẽ tự động tăng lên PT02/09/11. Nếu PT01/09/2011, lúc này chương trình sẽ tăng là PT01/09/2012*

- **Số kết thúc**

Số kết thúc để khai báo một quyền có bao nhiêu chứng từ, khi cập nhật chứng từ có sử dụng quyền, chương trình sẽ cảnh báo "quyền chứng từ đã sử dụng hết" nếu số kết thúc đã được sử dụng, phải khai báo đồng nhất với số bắt đầu và số hiện tại.

Nếu số bắt đầu có n chữ số, chương trình sẽ tự nhảy số kết thúc đến số lớn nhất có n chữ số. Tuy nhiên, vẫn có thể sửa lại theo người dùng.

- **Số hiện tại**

Số hiện tại cho biết số chứng từ mà quyền đã dùng đến. Chương trình sẽ tự động nhảy sau khi đã gõ số bắt đầu, số hiện tại là số nhỏ hơn số bắt đầu một đơn vị.

Chú ý:

Chương trình chỉ lưu lại số chứng từ hiện thời khi thêm mới mà thôi, khi chỉnh sửa lại chứng từ thì sẽ không lưu lại...

Tránh trường hợp khi số chứng từ đang là 99, nhưng sửa lại thành 1, nếu lưu lại thì các lần thêm mới sau đều tăng lại từ 1.

- **Kiểm tra trùng số chứng từ**

Kiểm tra trùng số chứng từ có các tùy chọn sau:

- 0- Không kiểm tra;
- 1- Theo ngày: Tồn tại số chứng từ trong ngày;
- 2- Tháng: Tồn tại số chứng từ trong tháng;
- 3- Quý: Tồn tại số chứng từ trong quý;
- 4- Năm: Tồn tại số chứng từ trong năm;
- 5-Tất: Tồn tại số chứng từ trong hệ thống;

- **Tùy chọn "Chỉ cảnh báo"**

Nếu chọn kiểm tra trùng số chứng từ và không chọn chỉ cảnh báo thì khi lập chứng từ bị trùng số chương trình sẽ cảnh báo và không cho lưu chứng từ. Trường hợp có kiểm tra trùng số chứng từ và có chọn vào tùy chọn chỉ cảnh báo thì khi trùng số chứng từ chương trình chỉ cảnh báo trùng và vẫn cho phép người sử dụng lưu trùng số chứng từ.





- **Ngày phát hành**

Ngày phát sinh của quyền chứng từ trong trường hợp sử dụng hóa đơn tự in.

Chi tiết các thao tác làm việc với danh mục đề nghị xem thêm “Những hướng dẫn chung về cập nhật các danh mục”

## 5.2 Danh mục tiền tệ

### Giải thích các thông tin khai báo

Sửa ngoại tệ	
Mã ngoại tệ	USD
Tên ngoại tệ	Đô La Mỹ
Tên khác	US Dollar
Tk phát sinh d nợ	6351  Chênh lệch lỗ tỷ giá phát sinh trong kỳ
Tk phát sinh d có	5152  Chênh lệch lãi tỷ giá phát sinh trong kỳ
Tk đánh giá d nợ	4131  Chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm
Tk đánh giá d có	4131  Chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm
Độc tiền: [1]_[2].[3]_[4][5]	
Số lẻ	3
	[1] [2] [3] [4] [5]
Cách đọc	đô la và xen chẵn
Cách đọc khác	In USD Dollar(s) and Cent(s) Only
Trạng thái	1 1 - Còn sử dụng, 0 - Không còn sử dụng
<input type="button" value="Lưu"/> <input type="button" value="Hủy"/>	

- **Mã ngoại tệ / Tên ngoại tệ/ Tên khác**

Mã ngoại tệ, tên ngoại tệ và tên ngoại tệ bằng tiếng Anh.

- **Tk phát sinh chênh lệch nợ**

Tài khoản sẽ ghi nợ (lỗ chênh lệch tỷ giá) trong các bút toán chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được chương trình tự động tạo ra do hạch toán giảm những tài khoản có phát sinh và số dư gốc ngoại tệ. Những phát sinh thực tế làm ảnh hưởng đến tài sản (gốc ngoại tệ) sẽ được ghi nợ vào tài khoản này.

- **Tk phát sinh chênh lệch có**

Tài khoản sẽ ghi có (lãi chênh lệch tỷ giá) trong các bút toán chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được chương trình tự động tạo ra do hạch toán tăng những tài khoản có phát sinh và số dư gốc ngoại tệ. Những phát sinh thực tế làm ảnh hưởng đến tài sản (gốc ngoại tệ) sẽ được ghi có vào tài khoản này.

*Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được hiểu là các chứng từ có tài khoản gốc ngoại tệ tham gia trong kỳ. Các phát sinh chênh lệch này là các phát sinh thực sự làm ảnh hưởng giá trị tài sản. Trong khi chênh lệch do đánh giá cuối kỳ chỉ phản ảnh giá trị trong lúc lập báo cáo (bằng cách tạo ra các bút toán chênh lệch vào ngày cuối kỳ và hạch toán ngược trong ngày đầu kỳ sau).*

- **Tk đánh giá chênh lệch nợ**

Tài khoản sẽ ghi nợ (lỗ chênh lệch đánh giá lại tỷ giá) trong các bút toán đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ được chương trình tự động tạo ra do đánh giá lại số dư những tài khoản có gốc ngoại tệ.

- **Tk đánh giá chênh lệch có**

Tài khoản sẽ ghi có (lãi chênh lệch đánh giá lại tỷ giá) trong các bút toán đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ được chương trình tự động tạo ra do đánh giá lại số dư những tài khoản có gốc ngoại tệ.

- **Đọc tiền: [1]\_\_[2].[3]\_\_[4].[5]**

- [1] Dùng trong một số trường hợp dùng câu giới thiệu trước khi đọc tiền. (Tuy nhiên, thông thường ít trường hợp sử dụng, nên có thể không nhập ô này)

*Ví dụ:*

*Nhập vào ô số 1 chuỗi: "**Tiền đô la Mỹ**", khi in 1000 USD, chương trình sẽ hiển thị bằng chữ: "Tiền đô la Mỹ: một nghìn đô la chẵn".*

- [2] Dùng để thay tên ngoại tệ.

*Ví dụ*

*Thay vì trong danh mục tiền tệ có tên là "Đô la Mỹ" thì ta có thể thay bằng Dollar, khi in 1000 USD, chương trình sẽ hiển thị bằng chữ: "Một nghìn Dollar chẵn".*

- [3] Phần nối phần tiền lẻ, thường là chữ "và" (and).
- [4] Đơn vị tiền lẻ của loại tiền (xu-cent).
- [5] Các tiếp vĩ ngữ như "chẵn", "only" trong trường hợp không có số lẻ

*Ví dụ:*

*khi in 123.45 USD, chương trình sẽ hiển thị bằng chữ: "Một trăm hai mươi ba đô la và bốn mươi lăm cen"*

- **Số lẻ**

Cho phép đọc đến n số lẻ, tùy thuộc vào phần lẻ của đơn vị tiền tệ. Ví dụ: 100 cent = 1 dollar. Trong trường hợp này ta dùng 2 số lẻ.

*Chú ý:*

- Nếu không dùng số lẻ (như tiền VND) thì khai báo số lẻ là 0 và chỉ sử dụng cột 5 khai báo "chẵn" (hoặc "only"). Ví dụ: 10 đọc là "Mười đồng chẵn / Ten dong only"

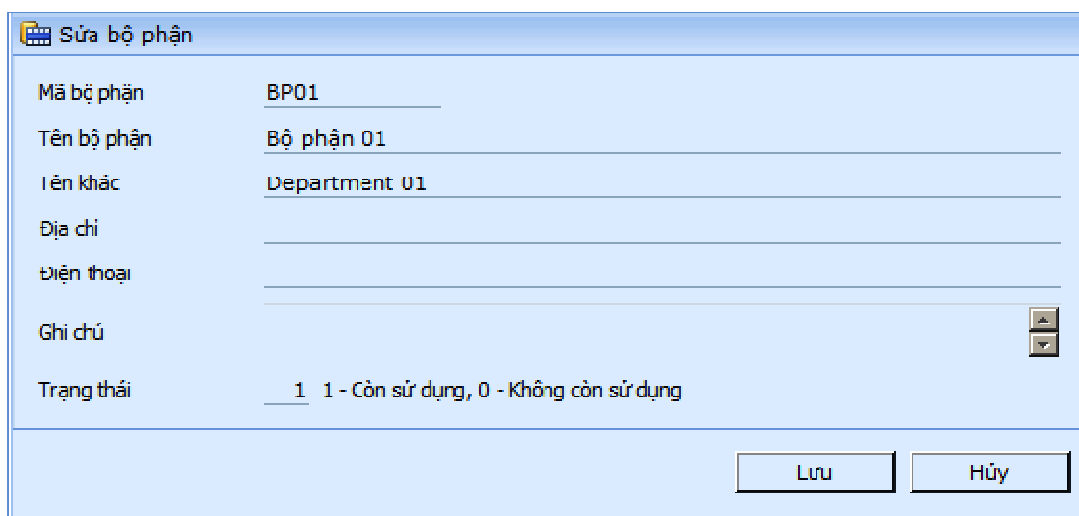
- Nếu dùng số lẻ (như tiền USD) thì sử dụng cả 3 đến 4 cột, cột 2 khai báo tên đồng tiền; cột 3 khai báo phần nổi với số lẻ, cột 4 khai báo tiền lẻ.

Chi tiết các thao tác làm việc với danh mục đề nghị xem thêm “Những hướng dẫn chung về cập nhật các danh mục”

### 5.3 Danh mục bộ phận

Danh mục bộ phận dùng để định nghĩa các phòng ban bộ phận trong doanh nghiệp. Được sử dụng để khi cần quản lý chi phí, doanh thu, lợi nhuận .. theo từng bộ phận. Bộ phận được sử dụng trong tất cả các phân hệ khi nhập chứng từ và lên báo cáo theo dõi theo bộ phận.

Ngoài ra danh mục này còn dùng trong khai báo công đoạn trong "Danh mục công đoạn (bộ phận)" - phân hệ giá thành



Sửa bộ phận	
Mã bộ phận	BP01
Tên bộ phận	Bộ phận 01
Tên khác	Department 01
Địa chỉ	
Điện thoại	
Ghi chú	
Trạng thái	1 1 - Còn sử dụng, 0 - Không còn sử dụng

Trong trường hợp doanh nghiệp đã chia hệ thống tài khoản theo danh mục bộ phận, mã bộ phận còn được lập trước để kết hợp với danh mục tài khoản trong việc chỉ định tài khoản chi tiết tương ứng với mã bộ phận nào - sử dụng chức năng “Khai báo bộ phận mã phí cho tài khoản”. Khi nhập liệu chứng từ, chỉ cần nhập tài khoản chi tiết, mã bộ phận sẽ tự động cập nhật.

Chi tiết các thao tác làm việc với danh mục đề nghị xem thêm “Những hướng dẫn chung về cập nhật các danh mục”